

Bản án số: 160/2018/DS-ST
Ngày: 27- 4 - 2018
V/v: “T/c Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Loan

Bà Tiêu Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thành Phong – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 741/2017/TLST-DS ngày 20/12/2017; về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hoàng A- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1976

Trụ sở: , Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt)

Bị đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1965

Ông Dương Đức T, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: , Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2017, bản tự khai, các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân Đ (Sau đây gọi tắt là Quỹ tín dụng) do ông Phạm Hoàng A bà Bùi Thị L là đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 27 tháng 5 năm 2016 bà Trương Thị L và ông Dương Đức T có ký với Quỹ Đ Hợp đồng tín dụng trả góp số 1-0014695, ngày 27/5/2016 để vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 13 tháng, ngày vay 27/5/2016 ngày đáo hạn 27/6/2017, lãi suất 1.25%/tháng, phương thức vay: Trả góp, mục đích vay tiêu dùng cho sinh hoạt, hình thức vay: Tín chấp. Ngày 27/5/2016 bên vay đã nhận đủ số tiền vay 30.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản được ghi nhận trong Giấy nhận nợ ngày 27/5/2016. Tính đến ngày 09/11/2017 hợp đồng đã quá hạn nhưng bà Trương Thị L và ông Dương Đức T vẫn còn nợ số tiền 6.911.000 đồng (trong đó bao gồm: 5.508.000 tiền vốn; 780.000 lãi trong hạn; 623.000 đồng lãi quá hạn). Mặc dù Quỹ tín dụng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, gửi thông báo để giải quyết dứt điểm số nợ trên, nhưng bà L và ông T vẫn không thanh toán, gây nhiều khó khăn cho công tác thu hồi nợ của Quỹ tín dụng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà L và ông T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ số nợ tính đến ngày 27 tháng 4 năm 2018 là 3.922.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.493.000 đồng, lãi trong hạn 780.000 đồng, lãi quá hạn là 649.000 đồng cho Quỹ tín dụng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bà L và ông T phải thanh toán cho Quỹ tín dụng tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký tương ứng với số tiền còn nợ tại thời điểm thanh toán kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ bà L và ông T tới Tòa án tham gia tố tụng, nhưng bà L và ông T không tới nên Tòa án không ghi được lời khai của bà L và ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát không có kiến nghị về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Quỹ tín dụng đã ký kết Hợp đồng tín dụng với bà L và ông T theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, đề nghị HĐXX tuyên: Bà L và ông T phải thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền 3.922.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.493.000 đồng, lãi trong hạn 780.000 đồng, lãi quá hạn là 649.000 đồng và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[3] Ngày 27 tháng 5 năm 2016 bà Trương Thị L và ông Dương Đức T có ký Hợp đồng tín dụng trả góp với Quỹ tín dụng nhân dân Đ (Sau đây gọi tắt là Quỹ tín dụng) để vay tiền, do đó có cơ sở xác định giữa bà L và ông T và Quỹ tín dụng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản như qui định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Do bà L và ông T không trả tiền vay là đã vi phạm Hợp đồng tín dụng nên bị Quỹ tín dụng khởi kiện, quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà L và ông T cư trú tại quận Gò Vấp, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bà L và ông T, nhưng bị đơn không tới Tòa theo triệu tập của Tòa án nên. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn nhưng bà L và ông T không tới tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T.

[5] Về nội dung:

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng trả góp ký ngày 27 tháng 5 năm 2016, Quỹ tín dụng đã cấp cho bà L và ông T 30.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Do bà L và ông T không thực hiện đúng Hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để giải quyết.

[7] Tính đến ngày 27 tháng 4 năm 2018, bà L và ông T còn nợ Quỹ tín dụng các khoản sau: 3.922.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.493.000 đồng, lãi trong hạn 780.000 đồng, lãi quá hạn là 649.000 đồng.

[8] Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà L và ông T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ số trên, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Ngoài ra bà L và ông T phải thanh toán cho Quỹ tín dụng tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[10] Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, .. thì áp dụng theo quy*

định của Luật này”, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Do vậy, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng được thực hiện theo thỏa thuận, Hội đồng xét xử xét lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật, thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử thống nhất:

[12] Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà L và ông T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ toàn bộ số nợ tính đến ngày 27 tháng 4 năm 2018 là 3.922.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.493.000 đồng, lãi trong hạn 780.000 đồng, lãi quá hạn là 649.000 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[13] Kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2018 bà L và ông T còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng tại thời điểm thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà L và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 300.000 đồng cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0028220 ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà L và ông T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ toàn bộ số nợ tính đến ngày 27 tháng 4 năm 2018 là 3.922.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.493.000 đồng, lãi trong hạn 780.000 đồng, lãi quá hạn là 649.000 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2018 bà L và ông T còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền còn nợ theo Hợp đồng tại thời điểm thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0028220 ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. G
- THA DS q. G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thế Viễn